

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày 11/01/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tím

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Minh và Ông Hồ Quang Hiến

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Nông Quốc Hùng, chức vụ Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2018/TLST-DS, ngày 07/8/2018, về việc “*Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-DS, ngày 20/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2018/QĐST-DS, ngày 06/12/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2018/QĐST-DS, ngày 25/12/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam**

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông **Dương Quyết T1**, c/v: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông **Phạm Xuân T2**, c/v: Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Krông Nô. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Vũ D.** Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hứa Trần Phương C** (Vợ ông Nguyễn Vũ D. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2018 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 03/8/2018), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn – ông Phạm Xuân T2 trình bày:

Ngày 14/12/2011 NHCSXH Việt Nam - PGD Krông Nô ký kết hợp đồng tín dụng số 600000640009084 ông Nguyễn Vũ D, theo đó Ngân hàng cho ông vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiếp đến ngày 17/12/2012 Ngân hàng tiếp tục cho ông D vay số tiền gốc 10.000.000 đồng, theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để ông D cho vợ là Hứa Trần Phương C đi học, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/ lần với số tiền là 5.000.000 đồng/ năm(được thực hiện sau khi học sinh sinh viên ra trường 01 năm), lãi suất là 0,65%/ tháng, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 27/12/2016.

Trong quá trình vay hộ ông Nguyễn Vũ D chỉ thanh toán được số tiền lãi trong hạn là 2.350.000 đồng và không thanh toán được khoản tiền gốc nào. Do ông D không thanh toán được, Ngân hàng đã phân kỳ trả nợ cho ông D, do đó thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/10/2017. Do ông D không thanh toán được nợ gốc, vì vậy Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng sang nợ quá hạn với mức lãi suất là 0.845%/tháng.

Tại phiên tòa, NHCSXH Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Vũ D và bà Hứa Trần Phương C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 28.639.000 đồng, trong đó:

- Số tiền nợ gốc là : 20.000.000 đồng;

- Số tiền lãi trong hạn:

Từ ngày 14/12/2011 đến ngày 17/12/2012: 10.000.000 đồng x 0.65%/tháng x 369 ngày = 799.500 đồng

Từ ngày 17/12/2012 đến ngày 17/10/2017: 20.000.000 đồng x 0.65%/tháng x 1765 ngày = 7.648.333 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn là: 799.500 đồng + 7.648.333 đồng = 8.448.000 đồng (làm tròn).

- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 8.448.000 đồng – 2.350.000 đồng = 6.098.000 đồng.

Số tiền lãi quá hạn là: 20.000.000 đồng x 0.845% x 452 ngày = 2.541.000 đồng(tính từ ngày 17/10/2017 đến ngày 11/01/2019).

Ông Nguyễn Vũ D và bà Hứa Trần Phương C còn phải chịu thêm số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 600000640009084 ngày 14/12/2011, kể từ ngày 12/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Vũ D và bà Hứa Trần Phương C, tuy nhiên ông D, bà C vắng mặt tại địa phương, tại phiên tòa ông bà vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm quyền và

nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; 72; 73 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Vũ D và bà Hứa Trần Phương C nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Vũ D. Tại bản trích lục kết hôn và Biên bản xác minh của Công an xã Đắc Drô thể hiện, ông Nguyễn Vũ D là chủ hộ, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã Đ, huyện K, thành viên hộ gia đình có bà Hứa Trần Phương C (Vợ của ông D). Tuy nhiên ông D, bà C thường xuyên vắng mặt tại địa phương, ông bà không thay đổi nơi cư trú, không thông báo tạm vắng tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng, vì vậy chính quyền địa phương cũng như Ngân hàng không xác định được nơi sinh sống và làm việc hiện nay của ông D, bà C.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 NQ số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: “*Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*”

Điều 6:

“*2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:*

a) *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có*

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”

Theo tài liệu chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp thể hiện, người trực tiếp vay tiền và ký kết hợp đồng tín dụng là ông Nguyễn Vũ D, tuy nhiên ông D vay tiền theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với mục đích đóng học phí cho bà Hứa Trần Phương C. Vì vậy bà Hứa Trần Phương C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với ông Nguyễn Vũ D và có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Vũ D thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên thì xác định được ông D, bà C là người có nghĩa vụ đối với Ngân hàng, nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, ông bà thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không thông báo tạm vắng cho chính quyền địa phương, cũng không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng, vì vậy ông D và bà C cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Vũ D, bà Hứa Trần Phương C vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 600000640009084 ngày 14/12/2011 (Hợp đồng thể hiện tại Sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay), đã xác định được NHCSXH Việt Nam- PGD Krông Nô đã ký kết hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Vũ D. Hai bên thỏa thuận số tiền vay là 10.000.000 đồng, tiếp đến ngày 17/12/2012 ông D vay số tiền 10.000.000 đồng theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Tổng số tiền nợ gốc mà ông D đã vay là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/ lần với số tiền là 5.000.000 đồng/ năm (được thực hiện sau khi học sinh sinh viên ra trường 01 năm), lãi suất là 0,65%/ tháng, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/12/2016.

Trong quá trình vay ông Nguyễn Vũ D chỉ thanh toán được số tiền lãi trong hạn là 2.350.000 đồng (thời điểm trả tiền lãi cuối cùng là ngày 17/12/2013) và không thanh toán được khoản tiền gốc nào. Tính đến ngày xét xử, ngày 11/01/2019, ông Nguyễn Vũ D còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 28.639.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, lãi trong hạn là

6.098.000 đồng, lãi quá hạn là 2.541.000 đồng (tính từ ngày 07/04/2018 đến ngày 11/01/2019).

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là NHCSXH Việt Nam –PGD Krông Nô và bên vay là ông Nguyễn Vũ D. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 16; Điều 17; Điều 24; Điều 25 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (*Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*).

[3] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn:

[3.1] Theo Hợp đồng tín dụng số 600000640009084 ngày 14/12/2011 (Hợp đồng thể hiện tại Sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay), thì ông D vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng (Giải ngân ngày 14/12/2011 với số tiền 10.000.000 đồng; Giải ngân ngày 17/12/2012 với số tiền 10.000.000 đồng) với thời hạn vay là 60 tháng, đã thỏa thuận phân kỳ trả nợ, thời điểm trả nợ cuối cùng là ngày 17/10/2017. Số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

[3.2] Tại điểm 2, điểm 5 mục II, phần phê duyệt của Ngân hàng thể hiện trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay thể hiện lãi suất cho vay là 0,65%/tháng, tiền lãi được thanh toán vào ngày 27 hàng tháng. Trong quá trình vay ông D chỉ thanh toán được số tiền lãi trong hạn là 2.350.000 đồng vào thời điểm cuối cùng là ngày 17/12/2013. Số tiền lãi trong hạn còn lại ông D chưa thanh toán được, cụ thể:

Từ ngày 14/12/2011 đến ngày 17/12/2012: 10.000.000 đồng x 0.65%/tháng x 369 ngày = 799.500 đồng

Từ ngày 17/12/2012 đến ngày 17/10/2017: 20.000.000 đồng x 0.65%/tháng x 1765 ngày = 7.648.333 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn là: 799.500 đồng + 7.648.333 đồng = 8.448.000 đồng (làm tròn).

Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 8.448.000 đồng – 2.350.000 đồng = 6.098.000 đồng.

[3.3] Tại điểm 2 mục II, phần phê duyệt của Ngân hàng thể hiện trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay thể hiện Lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn.

Khoản 4 Điều 1 Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/2/2005 sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 13 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 quy định: "2. Đối với khoản nợ vay không trả nợ đúng hạn, được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng trả nợ đúng hạn và không chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng đó là nợ quá

hạn và tổ chức tín dụng thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ; việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật. Tổ chức tín dụng phân loại toàn bộ số dư nợ gốc của khách hàng vay có nợ quá hạn vào tài khoản cho vay thích hợp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam."

Tại điểm 4 mục II, phần phê duyệt của Ngân hàng thể hiện trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/12/2016. Ngày 17/10/2014 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Vũ D có thỏa thuận với nhau về phân kỳ trả nợ, theo biên bản thỏa thuận thì thời hạn trả nợ cuối cùng đối với số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng là ngày 17/10/2016. Do ông D không thanh toán được đúng theo thỏa thuận, vì vậy Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc chuyển thành nợ quá hạn đúng theo thỏa thuận của các bên thể hiện trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó, số tiền lãi nợ quá hạn kể từ ngày 17/10/2017 đến ngày 11/01/2019 là 2.541.000 đồng ($20.000.000 \text{ đồng} \times 0,845\%/\text{tháng} \times 452 \text{ ngày} = 2.541.000 \text{ đồng}$).

Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận vì vậy ông Nguyễn Vũ D và bà Hứa Trần Phương C phải nộp 1.432.000 đồng ($28.639.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.432.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm là theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Vũ D và bà Hứa Trần Phương C phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền 28.639.000 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn còn lại là 6.098.000 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 2.541.000 đồng (Tính từ ngày 17/10/2017 đến ngày 11/01/2019).

Ông Nguyễn Vũ D và bà Hứa Trần Phương C có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 600000640009084 ngày 14/12/2011 (Hợp đồng thể hiện tại Sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử

dụng vốn vay), kể từ ngày 12/01/2019 cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc này.

[2] *Án phí*: Buộc ông Nguyễn Vũ D và bà Hứa Trần Phương C phải nộp 1.432.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CC THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tòa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tím